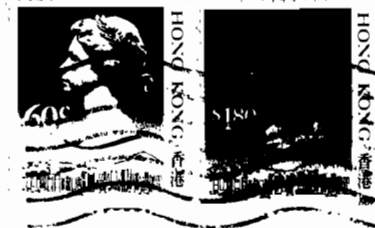


Fr: Triệu thị Tuyết Mai
No 27882 Hut 11B VRD 2H1
WHITEHEAD DETENTION CENTRE
CAMP 1B - STAGE 1B
STATIN . N.T

HONG KONG



To: Bà Khúc Minh Cho
P.O BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635

USA



Hongkong 23/10/1989.

Kính thưa bà,

Tên tôi là Triều Thu Nguyệt Nại là một thuyền nhân đang bị giam giữ tại trại giam Whitehead, Hongkong. Đi cùng với tôi còn có một em gái và hai cháu ruột:

Nguyễn Triều Hồng 14 tuổi

Nguyễn Triều Thảo Thảo 12 tuổi

Bố là: Nguyễn Tri. Nguyên là Trung úy Đại đội Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Địch Đa Thước Thiên.

Số quân: 68/208277.

Sau ngày Miền Nam sụp đổ, bố của hai cháu bị bắt đi cải tạo từ 05/4/1975 đến 30/6/1975.

Sau đó trở về lại tham gia Hội phục Quốc chống Cộng Sản bị bắt từ 3 năm, từ 26/8/1978 đến 9/8/1981.

Thưa bà,

Đời sống tinh thần của gia đình các cháu ở Việt Nam rất khó khăn vì sự theo dõi và kiểm soát của Cộng Sản. Và chắc chắn là tương lai của các cháu sẽ vô cùng tối tăm.

Không ngờ, tôi nhận lời nhờ của bố mẹ các cháu, mang các cháu sang đây lại gặp phải tình hình phân loại quá sức căng thẳng cho những người sau 15/6/1980. Bản thân tôi chưa biết được tương lai mình thế nào, nên rất lo sợ cho số phận các cháu.

Vì vậy, với một niềm tin mãnh liệt vào việc làm cũng như tấm lòng nhân đạo của bà, tôi viết thư này khẩn thiết cầu mong sự giúp đỡ của bà cho hai đứa trẻ trong hoàn cảnh này.

Trong khi chờ đợi sự trả lời, tôi xin gửi đến bà cùng gia đình lời chúc sức khỏe và lòng biết ơn sâu sắc.

Kính Thờ

Triều Thu Nguyệt Nại

ĐƠN VỊ.....

Tổng Trại

Số 1355 /...

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM

Độc lập - Dân chủ - Hòa bình - Trung lập

GIẤY PHÓNG THÍCH

Họ và tên:

Nguyễn Tri

Bí danh:

Ngày tháng năm sinh: 02 - 01 - 1948

Nguyên quán: Phước Vang, Thừa Thiên

Trú quán hiện nay: 47 Lê Văn Duyệt - Quận 1 - HCM

Ngày đi lính: 25-10-1968 Đơn vị: Trung Tâm huấn

luyện Đồng Đa Số lính: 68/208277

Cấp bậc: Trung úy Chức vụ: Huấn luyện viên

Đã qua giáo dục từ ngày 05 tháng 04 năm 1975

đến ngày 30 tháng 6 năm 1976 tại

Đội Lọc - Trại Cầm - Tổng Trại 1

Nay được phép trở về nơi cư trú hiện nay làm an

theo quyết định số 88/QĐ ngày 29 tháng 6

năm 1975 của Cục Chính Trị Quân Khu 5

Đề nghị Ủy ban nhân dân cách mạng địa phương
tiếp tục giáo dục và xét quyền công dân theo quy
định chung của Nhà nước.

Ngày 15 tháng 7 năm 1975

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TỔNG
TRẠI CẦM

học Cao

NHỮNG QUY ĐỊNH CHO NGƯỜI GIỮ GIẤY PHÒNG THÍCH

1. Phải xuất trình giấy phòng thích và nạp giấy cam đoan cho chính quyền cách mạng xã, phường nơi cư trú hiện nay.

2. Phải tuân theo luật lệ của độ quy định của các cấp chính quyền cách mạng.

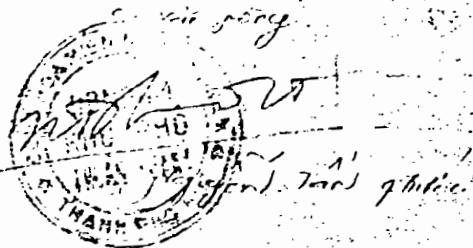
3. Giấy này không thay thế cho giấy thông hành. Đi đâu phải xin giấy phép của chính quyền địa phương nơi cư trú.

4. Không để cho người khác dùng giấy này. Nếu bị mất phải báo ngay với cơ quan an ninh nơi mất và chính quyền nơi cư trú.

5. Khi Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp báo

Tên - họ: *Trần Văn Thọ* ngày *27/11/16*.

Tên họ: *Trần Văn Thọ* ngày *27/11/16*.



Đã cấp tiền ăn, tiền tàu xe về đến nhà và mang theo các trang phục được cấp phát tại trại.

Bình định BTT

Số 100 GR

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 04.11 ngày 31 tháng 7 năm 1981
của Ủy ban an Bình - thị - Huế

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Tri

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày 2 tháng 1 năm 1948

Nơi sinh: Phú Mậu - Hương Phú - Bình - thị - Huế

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt:

38 đường nhất Lê - Huế

Cán tội: quy quá cũ theo quy định của Nhà Cách mạng

Bị bắt ngày 26.8.1978 An phạt 3 năm T.T.T

Theo quyết định, án văn số 2718 ngày 14 tháng 10 năm 78 của

Chủ tịch ủy ban an dân địa phương Bình - thị - Huế

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 38 đường nhất Lê - Huế

Nhận xét quá trình cải tạo

an tâm học tập cải tạo Lao động đần bảo vệ công
tư gia đình hàng ngày - Nội quy công an
đầu tranh học tập hình thức học tập cải tạo trung bình
(ở trại đần ốm bệnh tật - làm việc nhẹ, đi lại khéo léo)

Lấn tay ngón trỏ phải

Của

Danh bản số

Lập tại



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 9 tháng 8 năm 1981

Giám thị

Trưởng tá: Trần Văn Trung

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huân-Thị số 650 - 403 ngày 27-01-1972)

HTes: 32. 9. 1624.

I - PHẦN DÀNH CHO QUÂN NHÂN XIN KẾT-HÔN : ĐƠN XIN KẾT-HÔN

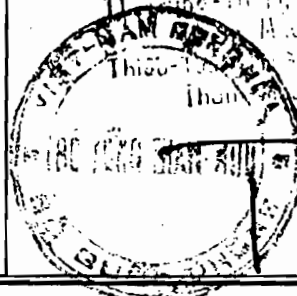
1.- Cấp-bậc, Binh ngạch, Họ tên quân-nhân xin kết-hôn : TRUNG UÝ CLQ/TB NGUYỄN TRI	2.- Số quân và Đơn-vị : 68/208277 TRUNG-TÂM - HUÂN LUYÊN ĐÔNG - ĐA.
3.- Ngày, nơi sinh : 02-01-1948 PHU VANG, THUA THIEN	4.- Gia-cảnh : ĐỘC THÂN
5.- Họ tên cha mẹ : NGUYỄN - CHUỐC (C) NGUYỄN THỊ LUYÊN	
6.- Họ tên vợ hôn thê (hôn thê trước) TRIEU THỊ KIM-CUC	7.- Nghề-nghiep : BUÔN - BÁN
8.- Ngày, nơi sinh : 15-10-1952 PHU HOA, HUẾ	9.- Gia-cảnh : ĐỘC-THÂN
10.- Địa-chỉ : 07 LÊ VĂN DUYỆT, QUẬN I, HUẾ	
11.- Họ tên cha mẹ vợ hôn thê (hôn thê trước) TRIEU NGOC SON, VÕ THỊ VUI	
12.- CAM-KẾT : Tôi xin cam-kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi-phạm điều 12 Luật Gia-đình (1) và trong trường hợp người phối-ngẫu của tôi là cô (Sợ) TRIEU THỊ KIM-CUC trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương hại đến an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn thương đến danh-dù QLVNCH (Điều 191 Sắc-luật : 13/CT/LĐQG/SL ngày 20.10.64 bắt buộc người vợ quân-nhân phải tự bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-Đội).	
13.- Lãm tại KBC. A162, ngày 19-8. 1974	14.- Chữ ký của quân-nhân xin kết-hôn :

II - QUYẾT-ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC THẨM QUYỀN

Số: 13615/TM/TQT/NSV/HTP/KS

15.- Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ của giới chức thẩm quyền : Chấp thuận và lưu-ý quân nhân được phép kết-hôn : a/- Quyết-Định cho phép kết-hôn này chỉ có giá-trị trong phạm-vi QLVNCH và có hiệu-lực trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành. Quá thời hạn này đương-sự phải xin triển hạn hay huỷ bỏ. b/- Ngoài những hình phạt về Quân-kỷ, nếu vi-phạm Huân-Thị số 650 - 403 ngày 27.01.1972 đương-sự còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật chiếu theo Sắc-luật 15/64 ngày 23.7.64	Thieu Tuong NGUYEN XUAN TRANG Tham Muu Pho Nhan Vien
---	---

16.- NƠI NHẬN : - Trung Tam Huan Luyen Dong Da (2b) " De nhât tu va tong dat SQ duong su " - Bo TM/P.TQT/THSCN (1b) - Tieu Doan 1 Quan Canh (1b) " Kem ho so de dieu tra vi hon the " - Lau (3b)	17.- KBC. 4.002 ngày (Ấn ký của giới chức thẩm quyền) TL Đại-Tướng CAO-VĂN VIÊN Tổng Tham Muu, Trưởng Ban VCH TL Trung-Tướng ĐƯƠNG-VĂN-KHUYẾN Hầu-Tướng Bộ-TM Thiếu-Tướng NGUYỄN-XUAN-TRANG Tham Muu Pho Nhan Vien
--	---

Mẫu
01.07.72

QĐ-1038

(Thay thế QĐ. 900 ngày 01.9.67)

CHỈ DẪN

Chuyến Trung úy
Nguyễn - Còi
Khởi H -

PHẦN I. - Do quân-nhân muốn xin kết hôn điền khuyết tùy theo số bản ấn-định bằng máy đánh chữ các O từ số 1 đến O số 13 và ký tên vào O số 14. Nếu không có máy chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối "chữ in". Tất cả các O phải ghi đầy đủ và sạch-sẽ, nếu không nhận-viên nhận đơn sẽ phải hoàn trả để thiết-lập lại.

- O số 1 : - Thành phần QLVNCH ghi bằng chữ tất tiếp theo cấp-bậc và sau đó là Binh ngạch cũng bằng chữ tất.
(thí-du : - Đại-Ủy ĐPQ/ĐU NGUYỄN-VAN-CAN
- Chuẩn-Ủy CLQ/TB NGUYỄN-NGOC-SON).
- O số 2 : - Số quân ghi đầy đủ 8 số, Đơn-vị ghi rõ Tiểu-Đoàn, Trung-Đoàn, Sư-Đoàn.
(Thí-du : - Tiểu-Đoàn 3, Trung-Đoàn 46/SD 25BB
- Phòng TQT/BCH 3 Tiếp-Vận).
- O số 3 : - Gia cảnh ghi : Độc thân, góa vợ hoặc ly-dị.
- O số 7 : - Nghề-nghiệp ghi rõ : cấp-bậc, số quân, Đơn-vị hay ngạch trật, nhiệm-sở, nếu người phối ngẫu là Nữ-Quân-Nhân hay Công-Chức.
- O số 10 : - Địa chỉ ghi rõ nơi cư ngụ của người hôn phối (số nhà, Đường, Quận, Tỉnh hay Số nhà, Ấp, Xã, Quận, Tỉnh).
- O số 13 : - Ghi K.B.C. của Đơn-vị.

PHẦN II. - Dành cho Cơ-Quan hoặc Đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.

~~XXXXXXXXXX~~

CƯỚC-CHỮ : (1)

ĐIỀU 12 Sắc-Luật 15/64 ngày 23 tháng 7 năm 1964.

Sự kết hôn bị cấm chỉ giữa những người tôn thuộc, ti thuộc hay người phối ngẫu của người đó về trước với bất luận là con-chánh thức, ngoại hôn hay nghĩa-dưỡng.

Về bảng hệ sự kết hôn bị cấm chỉ giữa những hạng người sau đây :

1. /- Anh chị em đồng phụ mẫu hay đồng cha khác mẹ, hay đồng mẹ khác Cha, hay anh chị em nuôi.
2. /- Chú, bác, cậu với cháu, cô, dì với cháu trai, Ông chú, Ông bác, Ông Cậu với cháu gái, Bà cô, bà dì với cháu trai.
3. /- Anh, chị, em con chú, con bác, con cậu, con cô, con dì, cả hai bên nội ngoại; anh em với chị em cháu chú, cháu bác, cháu cậu, cháu cô, cháu dì về bên nội cũng như bên ngoại.

Tuy nhiên giữa bà con bảng hệ nói ở khoản 3 nếu có lý-do quan-trọng THỦ-TƯỚNG có thể đặc-biệt cho phép kết-hôn. /-

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Phường Thị trấn Thanh
Huyện Thị trấn
Tỉnh, Thành phố Thị trấn

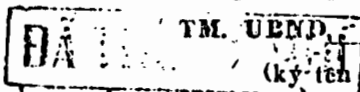
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản sao
GIẤY KHAI SINH

Số _____
Quyển số _____

Họ và tên	Nguyễn Triêu Thăng	Nam, Nữ
Sinh ngày, tháng năm	15.1.1975 (ngày mười tám, tháng một, năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm)	
Nơi sinh	Thị trấn Thanh (Xã Thanh Bình, huyện Thanh Bình)	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ và tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Tri 28 tuổi	Triêu Thị Kim Cẩn 24 tuổi
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Thợ may H7 Lê Văn Duyệt Huế	Buôn bán H7 Lê Văn Duyệt Huế
Họ và tên, tuổi Nơi ĐKNK thường trú Số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Tri 28 tuổi H7 Lê Văn Duyệt Huế	

Đăng ký, ngày 31 tháng 8 năm 1976



(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

NHÂN THỰC SAO Y BAN CHÁNH

Ngày 03 tháng 8 năm 1983

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN Thanh Bình ký tên đóng dấu



Trưởng Ủy Ban 72

Tỉnh, Thành phố Bà Rịa - Vũng Tàu

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MA. HTS 2 PA

Bản sao

GIẤY KHAI SINH

50

Quyển

Expenditure 2000 78